

Số: **958** /CV-BV71TW
Về việc Chào giá vật tư
tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Quý Công ty/Cửa hàng

Bệnh viện 71 TW có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu mua vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm, phục vụ chuyên môn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 71 trung ương

Địa chỉ: phường Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Lương Tiến Dũng – Phó Trưởng khoa Dược

- SĐT: 0914.316169

- Email: tiendungth89@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược, Bệnh viện 71 trung ương, phường Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Nhận qua email: tiendungth89@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 08h ngày 07/12/2023 đến trước 16h ngày 17/12/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 17/12/2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm

- Có phụ lục đính kèm

- Hàng hóa cung cấp mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được phép lưu hành tại Việt Nam, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký

2. Địa điểm giao hàng

Khoa Dược, Bệnh viện 71 trung ương, phường Quảng Tâm, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 20/12/2023.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán trực tiếp tiền cho đơn vị cung ứng bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Thời hạn thanh toán 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của các công ty, cửa hàng, kinh doanh.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Đăng tải Website bệnh viện;
- Lưu: VT, khoa Dược.

GIÁM ĐỐC

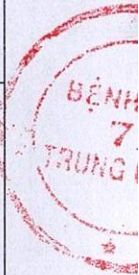


Thiều Đình Hưng

PHỤ LỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn số: 958 /CV-BV71TW ngày 07/12/2023 của Bệnh viện 71 TW)

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Đặc tính TSKT	Dự trữ	Ghi chú
1	Iflash Wash Buffer	MI	Tính năng :Nước rửa cho máy miễn dịch Iflash Wash Buffer (concentrated, 10*). Quy cách: 4*1L / hộp. Tiêu chuẩn: ISO 13485	4.000	Máy miễn dịch IFlash
2	Pepsinogen I	Test	Tính năng: Hóa chất định lượng PG I (Pepsinogen I) Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Phương pháp xét nghiệm: Sandwich. Dải đo: 1.0-250 ng/mL Tiêu chuẩn: ISO 13485	100	
3	Pepsinogen II	Test	Tính năng: Hóa chất định lượng PG II (Pepsinogen II) Quy cách: 2*50 T/Kit bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3. Phương pháp xét nghiệm: Sandwich Dải đo: 0.50-150 ng/mL. Tiêu chuẩn: ISO 13485	100	
4	iFlash-Cyfra 21-1	Test	Tính năng: Thuốc thử định lượng CYFRA 21-1 Phương pháp xét nghiệm: Sandwich. Dải đo: 0.1-500 ng/mL Đóng gói: 2*50 Test/Hộp bao gồm R1, R2, R3 và Cal1, Cal2, Cal3 Tiêu chuẩn: ISO 13485	200	
5	iFlash-NSE	Test	Tính năng: Thuốc thử định lượng NSE Phương pháp xét nghiệm: Sandwich. Dải đo: 0.05-370 ng/mL Đóng gói: 2*50 Test/Hộp bao gồm R1, R2 và Cal1, Cal2, Cal3 Tiêu chuẩn: ISO 13485	100	
6	Diluent ST	MI	- Sử dụng để pha loãng máu, đo số lượng và kích cỡ của hồng cầu và tiểu cầu - Thành phần: NaCl≤9.4%, Buffer≤1.6%, Anti-Microbial Agent≤1.0% 7- Bảo quản: 2 - 35 độ C. - Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày - TCCL: ISO 13485 -Quy cách đóng gói: >= 20L x 1 (tương đương 20.000 mili lít/thùng)	80.000	Máy huyết học Xs800i
7	LYSE-4DL	MI	-Hóa chất ly giải dùng cho máy phân tích huyết học - Thành phần: Non-ionic Surfactant<0.2% - Bảo quản: 2 - 35 độ C. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày - TCCL: ISO 13485-Quy cách đóng gói: >= 5L x 1 (tương đương 5.000 mili lít/ thùng)	5.000	



8	LYSE-4DS	MI	- Sử dụng để nhuộm tế bào để đếm 5 thành phần bạch cầu - Thành phần: Ethylene glycol > 90%, Polymethine dye < 0.006% - TCCL: ISO 13485-Quy cách đóng gói: >= 42 mili lít	126	
9	N-acetyl-cysteine	Gram	- Hóa chất bột dùng làm tan mẫu đờm. - Thành phần: N-Acetyl-L-Cysteine: 95-100%. Bảo quản: Trong khoảng 4°C. - Quy cách đóng gói: Hộp 100g. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015	500	
10	Na2HPO4	Gram	- Công thức: Na2HPO4. Khối lượng mol: 177,99g/mol - Quy cách đóng gói: Hộp 500g. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	1.000	
11	KH2PO4	Gram	- Công thức: KH2PO4. Khối lượng mol: 136.08g/mol - Quy cách đóng gói: Hộp 1kg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	1.000	
12	Malachite Green	Gram	- Công thức C50H52N4O8. Hàm lượng >=90% - Trọng lượng phân tử: 927g/mol. Quy cách đóng gói: Hộp 100g	100	
13	Ăng cây vô trùng (1 Microlis)	Cái	Que cấy vi sinh 1uL Biologix được làm từ nhựa Poly Styrene cao cấp Que cấy vi sinh 1ul đầu tròn được tiệt trùng bằng tia gamma, không pyrogenic. 25 chiếc/túi, 1000 túi/thùng	500	
14	Magie citrat	Gram	Là hợp chất hóa học có công thức phân tử (C6H5O7)2Pb3·3H2O. Hóa chất được sử dụng trong tổng hợp, phân tích hóa học tại phòng thí nghiệm trường học, viện nghiên cứu,... Quy cách đóng gói trong chai nhựa 100g.	200	
15	Magie sulfat	Gram	Assay ≥99% PH of 5% solution 5.0-8.2 @ 25°C Insoluble Matter ≤0.005% Chloride (Cl) ≤5 ppm Nitrate (NO3) ≤0.002% Ammonium (NH4) ≤0.02% Calcium (Ca) ≤0.02% Manganese (Mn) ≤5ppm Potassium (K) ≤0.005% Sodium (Na) ≤0.01% Strontium (Sr) ≤0.005% Heavy Metals (as Pb) ≤10ppm Iron (Fe) ≤5ppm Lọ 500 gram	200	

16	HTM Supplement SR015	Hộp	Chất bổ trợ cho môi trường HTM được sử dụng trong thử nghiệm tính nhạy cảm của vi khuẩn Haemophilus influenzae. Thành phần mỗi ống (mỗi ống dành cho 500 mL môi trường): NAD 7.5mg, Haematin 7.5mg. Hộp 10 ống	01	
17	BHI Broth (Brain Heart Infusion Broth)	Gram	Môi trường bột Brain Heart Infusion Broth, 500g/l. Thành phần: Hạt nghiền não bò 12.5 g/l; Hạt nghiền tim bò 5.0 g/l; Proteose peptone 10.0 g/l; Sodium chloride 5.0 g/l; Glucose 2.0 g/l; Di-sodium phosphate 2.5 g/l	500	
18	Găng tay khám latex, có bột	Đôi	Găng khám cao su tự nhiên, chưa tiệt trùng, thuận cả 2 tay, dùng một lần, bề mặt trơn, nhẵn, màu trắng tự nhiên, đầy đủ các cỡ (XS, S, M, L, XL) với chiều dài tối thiểu 240 mm. Đóng gói 100 cái/hộp; 10 hộp/thùng. HSD 5 năm kể từ ngày sản xuất. - Lực kéo đứt tối thiểu (N): trước khi già hoá tăng tốc: 7; sau khi già hoá tăng tốc: 6. Độ giãn dài tối thiểu (%): khi đứt trước khi già hoá tăng tốc 650; khi đứt sau khi già hoá tăng tốc 500. Độ bền kéo tối thiểu (MPa): trước khi già hoá tăng tốc 18; sau khi già hoá tăng tốc 14. Độ dày: Vùng trơn nhẵn $\geq 0,08$ mm, $\leq 2,00$ mm; Vùng nhám: $\geq 0,11$ mm, $\leq 2,03$ mm. Hàm lượng bột: ≤ 10 $\mu\text{g}/\text{dm}^2$. Hàm lượng protein: ≤ 200 $\mu\text{g}/\text{dm}^2$	80.000	

